TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ MỸ THO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 63/2021/DS-ST
Ngày: 03-11-2021;
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Mai Thị Mỹ Trang;**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Võ Quí Quốc.**

2. Bà **Nguyễn Thị Kiều Hương.**

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho tham gia phiên tòa: Bà **Ngô Thị Cẩm Thúy** - Kiểm sát viên

Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Nhật Minh -** Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho.

Ngày 03 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 152/2021/TLST-DS ngày 18 tháng 5 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2021/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 83/QĐST-DS ngày 17 tháng 6 năm 2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số 19/TB-TA ngày 19 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Nguyễn Thị Thu T**, sinh năm 1968;

Địa chỉ: số 389 khu phố 3, phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: **Nguyễn Thị Hồng T1**, sinh năm 1971;

Địa chỉ: ấp T, xã T1, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Chổ ở hiện nay: số 20 đường D, khu phố 7, phường 8, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

(Chị T và chị T1 có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 04/5/2021 và các lời trình bày tại Tòa, nguyên đơn Nguyễn Thị Thu T trình bày:

Vào ngày 31/01/2020, chị có chơi hụi tuần do chị Nguyễn Thị Hồng T1 làm chủ hụi. Chị chơi hụi loại 300.000 đồng/ngày. Chị đã tham gia chơi 07 dây hụi và chị tham gia chơi 14 phần. Hụi khui vào lúc 10 giờ ngày thứ 6 hàng tuần. Chị đã đóng hụi đầy đủ đến tuần thứ 52 và tuần thứ 53 thì chị hốt hụi. Khi đó, chị Nguyễn Thị Hồng T1 không giao tiền hụi cho chị và viết biên nhận ngày 29/01/2021. Trong biên nhận ngày 29/01/2021, chị T1 thừa nhận có nợ chị số tiền là 210.000.000 đồng.

Đến ngày 11/02/2021 (âm lịch), chị T1 có gởi trả cho chị 10.000.000 đồng và còn nợ lại 200.000.000 đồng chưa trả.

Nay chị yêu cầu chị Nguyễn Thị Hồng T1 trả cho chị số tiền 200.000.000 đồng. Chị yêu cầu chị T1 trả tiền làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật. Chị không yêu cầu tính lãi.

* Tại bản tự khai ngày 31/5/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Nguyễn Thị Hồng T1 trình bày:

Chị thống nhất với lời trình bày của chị T về việc chị T có tham gia chơi hụi ngày loại 300.000 đồng do chị làm chủ hụi. Chị T hốt hụi được 210.000.000 đồng. Nhưng do chị không có tiền giao hụi cho chị T nên chị đã viết biên nhận ngày 29/01/2021.

Sau đó chị đã trả cho chị T 10.000.000 đồng và còn nợ lại 200.000.000 đồng chưa trả.

Hiện nay, chị đang gặp khó khăn về kinh tế nên chị không có tiền để trả làm một lần theo yêu cầu của chị T. Chị xin được trả dần mỗi tháng là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) cho đến khi hết nợ.

Tại phiên tòa, chị T và chị T1 thống nhất, tất cả các dây hụi của chị T tham gia đều đã kết thúc. Do chị T1 không có tiền giao hụi cho chị T nên hai bên thống nhất: Chị T1 viết biên nhận cho chị T thừa nhận có nợ số tiền là 210.000.000 đồng. Sau đó, chị T1 đã trả được 10.00.000 đồng và còn nợ lại 200.000.000 đồng. Chi T và chị T1 thống nhất chậm nhất đến ngày 04/02/2022, chị T1 có nghĩa vụ trả cho chị T số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng).

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng. Về nội dụng vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Căn cứ Điều 471 và Điều 357 Bộ luật

Dân sự năm 2015, ghi nhận sự thỏa thuận của nguyên đơn và bị đơn về việc: Chậm nhất đến ngày 04/02/2022, chị T1 có nghĩa vụ trả cho chị T số tiền 200.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự.

[1] Nguyên đơn khởi kiện về việc yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả lại số tiền đã vay nên quan hệ tranh chấp được xác định là "Tranh chấp hợp đồng góp hụi" theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự. Căn cứ khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị T yêu cầu chị T1 trả cho bà số tiền vay là 200.000.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, nguyên đơn đã nộp cho Tòa: Tờ biên nhận ngày 29/01/2021 có chữ ký của chị Nguyễn Thị Hồng T1 xác nhận chị T1 đã mượn tổng cộng là 210.000.000 đồng và đã trả được 10.000.000 đồng. Đối với yêu cầu khởi kiện của chị T, Hội đồng xét xử nhận định: Chị T1 nợ tiền hụi của chị T không có tiền trả nên chị T1 đã viết biên nhận cho chị T. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị T1 đều đã thống nhất thừa nhận, chị có nợ tiền hụi của bà T với số tiền 200.000.000 đồng và thừa nhận đã có ký tên vào các tài liệu chứng cứ do chị T nộp cho Tòa. Chị T1 yêu cầu cho chị thời gian chậm nhất đến ngày 04/02/2022, chị T1 sẽ trả xong cho chị T số tiền 200.000.000 đồng và được chị T đồng ý. Căn cứ Điều 15 và Điều 18 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 về họ, hụi, biêu, phường và Điều 471 Bộ luật dân sự 2015, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của chị T và chị T1 về việc: Chậm nhất đến ngày 04/02/2022, chị T1 có nghĩa vụ trả cho chị T số tiền 200.0000.000 đồng.

[3] Tại phiên tòa, chị T yêu cầu tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 04/2021/QĐ-BPKCTT ngày 25 tháng 10 năm 2021 về việc phong tỏa quyền sử dụng phần đất có diện tích 65,4 m^2 loại đất CLN thuộc thửa số 2663, tờ bản đồ số 01, tại địa chỉ ấp T, xã T1, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01569 do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp cho chị Nguyễn Thị Hồng T1 ngày 22/11/2006 để đảm bảo thi hành án. Xét yêu cầu của chị T là cần thiết đảm bảo cho việc thi

hành án, căn cứ khoản 2 Điều 19 Nghị quyết số: 02/2020/NQ-HĐTP ngày 24/9/2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T.

[4] Đối với ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát trình bày phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của chị T được chấp nhận nên căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, chị T không phải chịu án phí sơ thẩm. Chị T1 có đơn xin giảm án phí và được Ủy ban nhân dân xã T1 huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xác nhận chị T1 đang gặp khó khăn về kinh tế. Căn cứ Điều 13 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ Ban Thường Vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016, chị T1 được giảm 50% án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 471 và Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 13 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UNTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Căn cứ Điều 15 và Điều 18 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 về họ, hụi, biêu, phường.

Căn cứ Điều 19 Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐTP ngày 24/9/2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu T.

Ghi nhận sự thỏa thuận của chị Nguyễn Thị Thu T và chị Nguyễn Thị Hồng T1 về việc: Chậm nhất đến ngày 04 tháng 02 năm 2022, chị Nguyễn Thị Hồng T1 có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Thu T số tiền là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng).

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị Thu T có đơn yêu cầu thi hành án nếu chị Nguyễn Thị Hồng T1 không trả số tiền nêu trên, chị Thu còn phải trả thêm tiền lãi của số tiền chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 04/2021/QĐ-BPKCTT ngày 25 tháng 10 năm 2021 về việc phong tỏa quyền sử dụng phần đất có diện tích 65,4 m^2 loại đất CLN thuộc thửa số 2663, tờ bản đồ

số 01, tại địa chỉ ấp T, xã T1, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01569 do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp cho chị Nguyễn Thị Hồng T1 ngày 22/11/2006.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng T1 phải chịu 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho chị Nguyễn Thị Thu T số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0022023 ngày 18/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Đương sự có mặt tại phiên được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

**** Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND Tp Mỹ Tho;
- Chi cục THADS Tp Mỹ Tho;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Mai Thị Mỹ Trang

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

**** Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND Tp Mỹ Tho;
- Chi cục THADS Tp Mỹ Tho;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Mai Thị Mỹ Trang